TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2025/HC-PT
Ngày 16-9-2025
V/v "Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành vi hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa phúc thẩm-Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số: 524/2025/TLPT-HC ngày 16 tháng 6 năm 2025 về "*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 52/2025/HC-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Toà án nhân dân tỉnh An Giang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 586/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 90/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Phạm Đình C, sinh năm 1971; có mặt.

Địa chỉ: ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (Nay là: ấp S, Đặc Khu P, tỉnh An Giang).

Địa chỉ liên hệ: Số B B đường C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:* 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A; địa chỉ: SỐ F ĐƯỜNG N, PHƯỜNG R, TỈNH AN GIANG; vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T1 - Phó Chủ tịch Đặc khu P, tỉnh An Giang; có đơn vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H - Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND Đặc khu P, tỉnh An Giang; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Đình C là người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Đình C trình bày:

Ngày 23/12/2021, thừa ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố P, ông Trần Chiến T2 - Phó Chủ tịch UBND thành phố P đã ký Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6342/QĐ-XPVPHC, xử phạt ông 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) vì cho rằng ông đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất phi nông nghiệp (đất giao thông), diện tích 313,4m^2, thuộc ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, nguồn gốc ông mua từ năm 2005 và đã sử dụng ổn định từ năm 2005 đến nay. Đây là quyết định không đúng thực tế, không đúng pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, vào năm 2005 ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Hồ Hải V, bà Thái Minh H1 thửa đất diện tích khoảng 760m^2 nằm vị trí mặt tiền đường ĐT47 cũ (chiều ngang 38m, chiều dài khoảng 20m), đất trồng cây lâu năm, địa chỉ ở ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Sau khi Nhà nước thực hiện dự án mở đường ĐT47 mới, thửa đất của ông bị giải tỏa một phần, diện tích còn khoảng 380m^2.

Tháng 04 năm 2018, vợ chồng ông V bà H1 ký lại hợp đồng mua bán thửa đất với ông cho đúng với diện tích thực tế 380m^2, được xác định như sau: Phía Đông tiếp giáp mặt tiền đường ĐT47 cũ (đi vào Nghĩa trang N2) chiều ngang 38m; phía Tây tiếp giáp mặt tiền đường ĐT47 mới có chiều ngang 38m; Phía Nam tiếp giáp đất nhà ông V bà H1 có chiều dài 12m; Phía Bắc tiếp giáp với cống thoát nước có chiều dài 08 mét.

Sau khi đo đạc, xác định lại ranh giới, ông V bà H1 đã xây dựng tường rào kiên cố bao quanh khu đất với kết cấu trụ bê tông cốt thép, đổ đà bê tông cốt thép bên dưới rồi xây tường gạch, phía trên rào kẽm gai, sau đó bàn giao cho ông. Ông sử dụng khu đất ổn định từ năm 2005 đến nay, không tranh chấp với cá nhân, tổ chức nào.

Tháng 11 năm 2021, Nhà nước tiến hành mở rộng đường ĐT47 (cũ) đi vào Nghĩa trang N2, làm gãy đổ một phần tường rào của ông. Để bảo vệ đất và tài sản, cây trồng trên đất, ông đã xây dựng lại một phần tường rào bị sập, có chiều dài khoảng 23m, tường được xây trên nền móng cũ, không lấn chiếm đất của Nhà nước. Thế nhưng, ngày 25/11/2021, khi ông đang hoàn thiện công trình xây dựng lại tường rào thì cán bộ xã D đến xem và nói là ông bao chiếm.

- Về cơ sở xử phạt vi phạm hành chính:

Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 124/BB-VPHC lập ngày 25/11/2021 do ông Ca Văn N (cán bộ xã D) là người không có chức vụ, thẩm quyền trực tiếp ghi. Ông không gặp, không tiếp xúc, không làm việc trực tiếp với ông Lê Nguyễn Huê A là Công chức địa chính - xây dựng UBND xã D nhưng ông A lại ký tên là "Người lập biên bản" trong Biên bản số 124/BB-VPHC ngày 25/11/2021.

Nội dung Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai ghi nhận ông đã có các hành vi vi phạm hành chính: *"Vào lúc 13 giờ 45 phút ngày 25/11/2021, tại vị trí thửa đất thuộc ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, phát hiện ông Phạm Đình C đang thực hiện hành vi chiếm đất, diện tích 313,4m2, loại đất phi nông nghiệp (đất giao thông) tại khu vực nông thôn. Cụ thể, ông Phạm Đình C thi công xây dựng tường rào gạch bao quanh toàn diện tích 313,4m$^{2.}$"* Trong biên bản này, có phần ý kiến trình bày của ông: *"Tôi không chiếm đất và tôi không có hành vi chiếm đất của ai. Hàng rào của tôi bị Nhà nước mở đường ủi sập nên tôi dựng tại tường rào để bảo vệ đất, bảo vệ tài sản của tôi (Hàng rào xây trên cơ sở tường rào cũ)"* nhưng trên thực tế ông chưa bao giờ gặp, trao đổi hoặc làm việc với ông Lê Nguyễn Huệ A1.

Như vậy, Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 124/BB-VPHC ngày 25/11/2021 được lập không đúng thẩm quyền, không đúng với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Về Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính 149/BB-XM ngày 20/12/2021, tại thời điểm này ông có mặt tại thửa đất nhưng không thấy ai đến. Ông Lê Nguyễn Huệ A1, ông Huỳnh Viễn P và một số người chứng kiến khác không có mặt tại thửa đất cũng như không tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc nhưng vẫn ban hành Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 149/BB-XM ngày 20/12/2021 và gửi qua đường bưu chính (bưu điện) cho ông.

Dựa trên Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 124/BB-VPHC ngày 25/11/2021 được lập không đúng thực tế, không đúng thẩm quyền và Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 149/BB-XM ngày 20/12/2021 lập không đúng thực tế, ngày 23/12/2021 ông Trần Chiến T2 (Phó Chủ tịch UBND thành phố P) đã ký ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6342/QĐ-XPVPHC đối với ông.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính xác định ông có hành vi vi phạm

hành chính chiếm đất phi nông nghiệp (đất giao thông) diện tích 313,4m^2, nhưng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện P cấp đối với thửa đất của ông xác định là đất trồng cây lâu năm, thuộc đất nông nghiệp. Diện tích 313,4m^2 nêu trên nằm trong thửa đất có diện tích 380m^2 ông mua của vợ chồng ông V bà H1 và sử dụng ổn định, lâu dài, không tranh chấp với ai, sử dụng liên tục từ năm 2005 đến nay.

Tại thời điểm ông mua năm 2005, trên đất đã có hàng rào bảo vệ, đến năm 2018 vợ chồng ông V bà H1 thuê người đổ trụ bê tông kiên cố, xây móng bằng gạch thẻ và phía trên rào kẽm gai, đều không có chính quyền địa phương đến lập biên bản và xử lý. Nay Nhà nước mở đường, ủi đất làm sập một đoạn tường rào cũ trên đất nên ông chỉ xây dựng lại một đoạn khoảng 23m trên nền móng để bảo vệ đất và tài sản trên đất, chứ không ông chiếm đất. Do đó, việc xác định hành vi vi phạm hành chính của Phó Chủ tịch UBND thành phố P là không có căn cứ, không có cơ sở, không phù hợp thực tế, không đúng với quy định của pháp luật.

Về hình thức, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6342/QĐ-XPVPHC ngày 23/12/2021 không có phần Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 149/BB-XM ngày 20/12/2021 cũng như không có Văn bản giải trình ngày 26/11/2021 của ông là vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Về thời hạn giao quyết định xử phạt cho ông không đúng quy định tại Điều 70, Luật Xử lý vi phạm hành chính (quyết định ban hành ngày 23/12/2021 nhưng ngày 06/01/2022 mới giao cho ông).

Không đồng ý với quyết định xử phạt vi phạm hành chính, ngày 16/3/2022 ông C khiếu nại (lần đầu). Sau khi thụ lý đơn khiếu nại của ông, ngày 23/11/2022 Chủ tịch UBND thành phố P tổ chức cuộc họp đối thoại. Qua buổi đối thoại, Chủ tịch UBND thành phố P kết luận: Không thừa nhận nội dung khiếu nại của ông yêu cầu hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6342/QĐ-XPVPHC ngày 23/12/2021 đối với ông. Ông không thống nhất với kết luận nêu trên nên ngày 07/02/2023, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông với nội dung giữ nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án thu hồi, hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6342/QĐ-XPVPHC ngày 23/12/2021 của Phó Chủ tịch UBND thành phố P và Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại đối với ông.

Tại Văn bản số 1328/UBND-NCPC ngày 10 tháng 8 năm 2023, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:

1. Về việc Phó chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6342/QĐ-XPVPHC ngày 23/12/2021 đối với ông Phạm Đình C:

- Về thẩm quyền giải quyết: đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều

54 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; sửa đổi, bổ sung năm 2020.

- Về trình tự thủ tục: Phó Chủ tịch UBND thành phố P thực hiện đúng theo quy định tại Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; sửa đổi, bổ sung năm 2020.

- Về nội dung xử phạt vi phạm hành chính:

Nguồn gốc diện tích 313,4m² đất tọa lạc tại ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang theo ông Phạm Đình C trình bày là do nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Hồ Hải V bà Thái Minh H1 vào năm 2018 với diện tích 380m² (theo hợp đồng chuyển nhượng ghi ngày 28/4/2018), do hai bên tự thỏa thuận và không có sự xác nhận của chính quyền địa phương.

Năm 2021, UBND xã D kiểm tra khu đất ông C đang xây dựng, tại thời điểm kiểm tra ông C không có các giấy tờ để chứng minh hợp pháp thửa đất đang xây dựng. Do đó, ngày 25/11/2021 vào lúc 13 giờ 45 phút UBND xã D đo đạc thửa đất ông C đang tác động có diện tích 313,4m² và xác định vị trí đất nêu trên nằm trong đất giao thông (ông C đã thống nhất diện tích vi phạm theo biên bản lập ngày 01/12/2021). Đến 15 giờ 20 cùng ngày địa chính UBND xã D đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 124/BB-VPHC đối với ông C về lĩnh vực đất đai do thực hiện hành vi chiếm đất, diện tích 313,4m², tại thời điểm lập biên bản ông C có mặt và đã ký vào biên bản, hiện trạng ông C đã xây dựng hàng rào chiều dài 23m (Biên bản vi phạm hành chính đã được bàn giao cho ông C vào ngày 25/11/2021 tại UBND xã D).

Ngày 25/11/2021, UBND xã D có Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 25/11/2021 gửi Chủ tịch UBND thành phố P về việc ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 23/12/2021, Phó Chủ tịch UBND thành phố (được Chủ tịch UBND thành phố P giao quyền theo Quyết định số 1718/QĐ-GQXP ngày 22/4/2021) ban hành Quyết định số 6342/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phạm Đình C do thực hiện hành vi vi phạm hành chính chiếm đất phi nông nghiệp (đất giao thông) diện tích 313,4m². Hình thức phạt chính: Phạt tiền mức phạt là 15.000.000 đồng. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông C khôi phục lại hiện trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm đối với diện tích 313,4m² tại ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang theo biên bản kiểm tra đo đạc, kiểm tra hiện trạng thực tế thửa đất đối với ông Phạm Đình C của UBND xã D ngày 25/11/2021, quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 06/01/2022 tại UBND xã D, UBND xã D đã tổ chức triển khai và bàn giao Quyết định số 6342/QĐ-XPHC cho ông C và ông C đã ký nhận vào biên bản. Ông C không đồng ý nên đã làm đơn khiếu nại gửi đến UBND thành phố P yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 6342/QĐ-XPVPHC.

2. Về việc Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 203/QĐ-

UBND ngày 07/02/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Đình C:

- Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 07/01/2023 là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu do Chủ tịch UBND thành phố ký ban hành là đúng với quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về trình tự, thủ tục giải quyết: Chủ tịch UBND thành phố thực hiện đúng theo quy định Điều 27, Điều 29 và Điều 30 của Luật khiếu nại năm 2011.

- Về hình thức văn bản: Chủ tịch UBND thành phố giải quyết khiếu nại bằng hình thức quyết định là đúng với quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về nội dung giải quyết: Qua kiểm tra trong diện tích 313,4m² do ông Phạm Đình C bị xử phạt có 03 phần diện tích như sau:

Diện tích 59m² đã được UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc thu hồi đất theo Quyết định số 4738/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 đối với bà Trần Thị T3 để thực hiện dự án khu Q - Bắc Đoạn A - D (Đoạn Km 16+153,63 đến Km 23+871,51) tại xã D, xã H, huyện P, tỉnh Kiên Giang, bà T3 đã nhận tiền và bàn giao đất cho Nhà nước.

Diện tích 20m² đã được UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc thu hồi đất theo Quyết định số 4739/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 đối với ông Hồ Hải V (nguồn gốc đất do ông V nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Công T4 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB397542) để thực hiện dự án khu quy hoạch xây dựng đường T - Bắc Đoạn A (Đoạn Km 167153,63 đến Km 23+871,51) tại xã D, xã H, huyện P, tỉnh Kiên Giang, ông V đã nhận tiền và bàn giao đất cho Nhà nước.

Diện tích 234,4m² thuộc tuyến đường D - H (TL 47 cũ) theo Quyết định số 49/QĐ-UB ngày 13/01/1997 của UBND tỉnh K và tuyến đường D - An Thới theo Quyết định số 3262/QĐ-UB ngày 25/12/2009 của UBND tỉnh K (không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB397542).

Sau khi có kết quả xác minh, Phó Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6342/QĐ-XPVPHC ngày 23/12/2021 đối với ông Phạm Đình C.

Ngày 23/11/2022, Chủ tịch UBND thành phố P tổ chức đối thoại với ông C. Qua buổi đối thoại, Chủ tịch UBND thành phố P kết luận: Không thừa nhận nội dung khiếu nại của ông C về việc yêu cầu về việc hủy bỏ Quyết định số 6342/QĐ-XPVPHC. Ông C không thống nhất kết luận của Chủ tịch UBND thành phố P nêu trên, nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh theo yêu cầu của mình.

Ngày 07/02/2023, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 203/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Đình C và ngày 07/3/2023 ông C đã ký nhận quyết định.

Từ các căn cứ trên, Chủ tịch UBND thành phố P đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 52/2025/HC-ST ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Kiên Giang (nay là Toà án nhân dân tỉnh An Giang) đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình C.

Không chấp nhận hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6342/QĐ-XPHC ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang và Quyết định số 203/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Đình C ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang đối với ông Phạm Đình C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/5/2025 ông Phạm Đình C kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Đình C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông C trình bày: Đất mua có sổ đỏ hơn 20.000 m^2 đất, dự án sân bay còn hơn 2.000 m^2, có 10 căn nhà cất, phần tranh chấp là mũi tàu. Họ xây dựng nhà, làm con đường, rào sập nên xây dựng lại tường 23 m, không thể nói bao chiếm vì đất có sổ. Đất bán, họ xây dựng nhà. Sau đó, xử phạt nói ông lấn chiếm đất giao thông, không đưa văn bản nói đất bị thu hồi. Ông không sang tên được vì không có sổ cập nhật, người bán thế chấp ngân hàng. Khi lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính, không có người đóng dấu chức danh, người lập biên bản và người ký biên bản là người khác. Cán bộ công chức phải xuống lập biên bản. Lê Nguyễn Hữu A2 không biết mặt ông, chưa bao giờ ông gặp mặt. Người gặp ông là Ka Phương N1. Lập biên bản xử lý vi phạm hành chính đất đai, ông chỉ xây bức tường dài 23m, ông đã bán cho người khác bằng giấy tay năm 2018, chưa được Nhà nước công nhận. Đất có sổ. Đất ông mua có sổ, có giấy tờ, ông để ở và cho thuê. Nói ông lấn chiếm đất, ông không đồng ý. Mua đất năm 2005, không được cấp sổ. Sau khi có sổ, sang tên cho ông. Ông sử dụng và bàn cho người khác. Người khác cũng xây nhà, bao chiếm là xây dựng bao xung quanh con đường, sập, ông làm đơn xin phép nhưng UBND xã nói không có thẩm quyền nên ông xây 05 viên gạch ở trên lưới B40, bắt ông tháo dỡ, bất đắc bản xử lý không đúng, nội dung và hình thức không đúng. Đất có sổ, ông không bao chiếm. sổ cấp 2005 không có toạ độ. Diện tích thực tế nhỏ hơn, yêu cầu kiểm tra, có phần đã bán, phần xây dựng tường rào, cho đập 23 m, sử dụng bình thường như trước đây.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Việc ban hành Quyết định đối với ông C đúng qui định pháp luật, buộc chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông C, giữ y án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và các Thẩm phán thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Phạm Đình C

Diện tích 234,4m² không nằm trong Giấy chứng nhận của ông C. Ông C sử dụng, hàng rào bao quanh. UBND thành phố P ban hành Quyết định xử phạt, buộc ông C khắc phục hậu quả là đúng qui định. Ông C kháng cáo không có căn cứ, không đưa tình tiết gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

Ngày 28/3/2023, người khởi kiện yêu cầu yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6342/QĐ-XPVPHC ngày 23/12/2021 của Phó Chủ tịch UBND thành phố P và Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại đối với ông.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Đình C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] *Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6342/QĐ-XPVPHC ngày 23/12/2021 của Phó Chủ tịch UBND thành phố P:*

- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6342/QĐ-XPHC ngày 23/12/2021: đúng qui định pháp luật.

Vào lúc 13 giờ 45 phút ngày 25/11/2021, tại vị trí thửa đất thuộc ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, Công chức địa chính- xây dựng UBND xã D phát hiện ông Phạm Đình C đang thi công xây dựng tường rào gạch bao quanh diện tích 313,4m^2 nên tiến hành đo đạc, kiểm tra xác định vị trí đất nêu trên nằm trong đất giao thông. Cùng ngày, Công chức địa chính- xây dựng lập Biên bản vi phạm hành chính số 124/BB-VPHC đối với ông C về lĩnh vực đất đai do thực hiện hành vi chiếm đất diện tích 313,4m², tại thời điểm lập biên bản ông C có mặt và đã ký

vào biên bản, hiện trạng ông C đã xây dựng hàng rào chiều dài 23m. Biên bản vi phạm hành chính đã được bàn giao cho ông Phạm Đình C vào ngày 25/11/2021 tại UBND xã D

Ngày 25/11/2021, UBND xã D có Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 25/11/2021 gửi Chủ tịch UBND thành phố P về việc ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 23/12/2021, Phó Chủ tịch UBND thành phố (được Chủ tịch UBND thành phố P giao quyền theo Quyết định số 1718/QĐ-GQXP ngày 22/4/2021) ban hành Quyết định số 6342/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phạm Đình C và ông C đã ký nhận quyết định vào ngày 06/01/2022.

Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên đối với ông Phạm Đình C là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Về nội dung của quyết định hành chính:

Ngày 25/11/2021, khi kiểm tra phát hiện ông Phạm Đình C đang cho nhân công thi công xây dựng hàng rào bằng gạch, có kết cấu bằng cột xây gạch, cao 1,5m, xây bao quanh diện tích đất 313,4m² thuộc ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, Công chức địa chính- xây dựng UBND xã D đã lập biên bản đo đạc, kiểm tra hiện trạng xác định diện tích đất 313,4m² ông C vi phạm gồm 03 phần diện tích như sau:

- Diện tích 59m² đã được UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc thu hồi đất theo Quyết định số 4738/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 đối với bà Trần Thị T3 để thực hiện dự án khu Q - Bắc Đoạn A - D (Đoạn Km 16+153,63 đến Km 23+871,51) tại xã D, xã H, huyện P, tỉnh Kiên Giang, bà T3 đã nhận tiền và bàn giao đất cho Nhà nước.

- Diện tích 20m² đã được UBND huyện P thu hồi đất theo Quyết định số 4739/QĐ-UBND ngày 26/7/2012 đối với ông Hồ Hải V (nguồn gốc đất do ông V nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Công T4 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB397542) để thực hiện dự án khu quy hoạch xây dựng đường T - Bắc Đoạn A (Đoạn Km 167153,63 đến Km 23+871,51) tại xã D, xã H, huyện P, tỉnh Kiên Giang, ông V đã nhận tiền và bàn giao đất cho Nhà nước.

- Diện tích 234,4m² thuộc tuyến đường D - H (TL 47 cũ) theo Quyết định số 49/QĐ-UB ngày 13/01/1997 của UBND tỉnh K và tuyến đường D - An Thới theo Quyết định số 3262/QĐ-UB ngày 25/12/2009 của UBND tỉnh K (không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB397542).

Sau khi có kết quả xác minh, cùng ngày Công chức địa chính- xây dựng UBND xã D đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 124/BB-VPHC đối với ông C về lĩnh vực đất đai do thực hiện hành vi chiếm đất, diện tích 313,4m², loại đất phi nông nghiệp (đất giao thông) tại khu vực nông thôn, cụ thể ông C xây dựng hàng rào bao quanh diện tích đất trên, có chiều dài 23m.

Ngày 23/12/2021, Phó Chủ tịch UBND thành phố được giao quyền ban hành Quyết định số 6342/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông C do đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính chiếm đất phi nông nghiệp (đất giao thông) diện tích 313,4m². Hình thức phạt chính: Phạt tiền mức phạt là 15.000.000 đồng. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Phạm Đình C khôi phục lại hiện trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm đối với diện tích 313,4m² tại ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang theo biên bản kiểm tra đo đạc, kiểm tra hiện trạng thực tế thửa đất đối với ông Phạm Đình C của UBND xã D ngày 25/11/2021, quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Do đó, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6342/QĐ-XPVPHC ngày 23/12/2021 của Phó Chủ tịch UBND thành phố P được ban hành đúng qui định pháp luật.

[2.2] *Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Đình C:*

- Về thẩm quyền giải quyết, trình tự, thủ tục giải quyết và hình thức văn bản: Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 07/01/2023 là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu do Chủ tịch UBND thành phố ký ban hành là đúng với quy định tại Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại.

- Về nội dung giải quyết:

Tại Biên bản làm việc của UBND xã D ngày 25/11/2021 ghi lời trình bày của ông C, ông C cho rằng nguồn gốc diện tích đất 313,4m² tọa lạc tại ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang là do ông nhận chuyển nhượng của ông Hồ Hải V cùng vợ là bà Thái Minh H1 vào năm 2018 với diện tích 380m², theo hợp đồng chuyển nhượng ghi ngày 28/4/2018, là do hai bên tự thỏa thuận, không có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Tại thời điểm kiểm tra ngày 25/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh diện tích đất vi phạm 313,4m^2 nằm trong diện tích đất ông Nguyễn Công T4 và bà Nguyễn Thị Kim L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB397542 với diện tích 2.230,4m^2, ông cũng không cung cấp được một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Ngày 23/11/2022, Chủ tịch UBND thành phố P tổ chức đối thoại với ông C.

Ngày 07/02/2023 Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 203/QĐ-UBND về việc giữ nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên đối với ông C là có căn cứ đúng quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông C không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại

diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại.

Căn cứ các điều 38, 58, 61, 66, 67 và Điều 68 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ khoản 4 và khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Toà án nhân dân số 81/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, Đối thoại tại Toà án số 85/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2025/UBTVQH15 phê chuẩn đề nghị của Chánh án Toà án nhân dân tối cao về việc thành lập các Toà Phúc thẩm, Cục, Vụ và tương đương, Cơ quan báo chí của Toà án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Đình C, giữ nguyên bản án sơ thẩm cụ thể như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình C về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6342/QĐ-XPHC ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang và Quyết định số 203/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang đối với ông Phạm Đình C.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Phạm Đình C phải nộp án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào án phí tạm nộp theo lai thu số 0009728 ngày 10

tháng 5 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Đình C phải nộp án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền ông C đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0015111 ngày 21/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSNDTC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu HSVA (NTTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương